

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 408/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 8 - 2023

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Tám
- Ông Huỳnh Văn Sức

- **Thư ký phiên toà:** Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: tổ A, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0969.669.334;

2. *Bị đơn:* ông Lê Hòa B, sinh năm 1976 (Lê Hòa B sinh năm 1973).

Nơi cư trú: tổ A, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0394.544.063;

(các đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải, nguyên đơn bà Huỳnh Thị P trình bày: bà và ông Lê Hòa B do quen biết sau thời gian tìm hiểu và sống chung như vợ chồng từ năm 1989, lúc này ông B 16 tuổi, bà 18 tuổi chung sống cho đến nay, nhưng không tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, quá trình chung sống phát sinh

hiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đến khoảng đầu năm 2023, bà phát hiện ông B có quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác, nên từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay, sau khi ly thân cả hai bên không có thiện chí hàng gần. Nay tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hòa B.

- Về con chung: có 03 con chung tên Lê Văn Đ, sinh ngày 01/01/1990; Lê Thành L, sinh ngày 01/01/2003 và Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2004, hiện 03 con chung đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Hòa B trình bày: Về thời gian tìm hiểu và chung sống như bà P trình bày, không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn đến nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ khoảng đầu năm 2023 cho đến nay, nay bà P yêu cầu ly hôn ông cũng đồng ý.

- Về con chung: có 03 con chung tên Lê Văn Đ, sinh ngày 01/01/1990; Lê Thành L, sinh ngày 01/01/2003 và Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2004, hiện 03 con chung đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: ông B và bà P đã tham gia phiên công khai chứng cứ và hòa giải, có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình và yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt ông, bà theo Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn ông B cư trú tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Nên bà P khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà P yêu cầu ly hôn, nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân của bà P và ông B sau thời gian tìm hiểu và sống chung như vợ chồng năm 1989, không tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đến đầu năm 2023 bà P phát hiện ông B có quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay ông, bà không tạo điều kiện để hàn gắn với nhau, mà mỗi người tự lo cuộc sống riêng cho mình, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do ông bà không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận, vì hôn nhân của ông bà là hôn nhân

không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó để cho ông, bà có cuộc sống riêng, nên hội đồng xét xử không công nhận ông, bà là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: ông bà thống nhất có 03 con chung tên Lê Văn Đ, sinh ngày 01/01/1990, Lê Thành L, sinh ngày 01/01/2003 và Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2004, hiện 03 con chung đã thành niên và tự lập được nên không đặt ra giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông B và bà P phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: bà Huỳnh Thị P là người xin ly hôn nên phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 15 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Căn cứ Điều 26; Điều 27; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Thị P và ông Lê Hòa B là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: đã thành niên không giải quyết

- Về quan hệ tài sản và nợ chung: không đặt ra để giải quyết

- Về án phí sơ thẩm: bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006328 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, ông Lê Hòa B không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Bình;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Chiến